

Số: /KH-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH
Rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn
tỉnh Thanh Hóa năm 2021

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2021, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Nhằm phát hiện các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

a) Rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản, không bỏ sót văn bản thuộc trách nhiệm rà soát.

b) Rà soát văn bản phải được tuân thủ theo nội dung, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Kịp thời xử lý, kiến nghị xử lý kết quả rà soát.

II. NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng và phạm vi rà soát

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trước ngày 31/12/2021.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Tiến hành rà soát thường xuyên

Tổ chức thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì thực hiện rà soát văn bản của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

b) Cấp huyện: Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

c) Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

2.2. Tiến hành rà soát theo chuyên đề

Thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành liên quan đến các cơ chế, chính sách.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước của ngành, đơn vị mình chủ động thực hiện việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

3. Xử lý kết quả rà soát

a) Kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả rà soát

- Trên cơ sở kết quả rà soát, đơn vị chủ trì tổng hợp đề xuất, kiến nghị hình thức xử lý văn bản và gửi Sở Tư pháp để có ý kiến về việc xử lý kết quả rà soát.

- Ngay sau khi có ý kiến của Sở Tư pháp các đơn vị chủ trì rà soát có trách nhiệm xem xét, hoàn chỉnh kết quả rà soát báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định, đồng thời gửi Sở Tư pháp để tổng hợp chung.

b) Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ

Căn cứ vào hình thức xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, các đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản được rà soát, trình UBND tỉnh xem xét ban hành theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực

Trên cơ sở kết quả rà soát của các sở, ngành, đơn vị, Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản để công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực đảm bảo quy định của pháp luật.

4. Thời gian thực hiện

4.1. Đối với rà soát thường xuyên

a) Cấp tỉnh

- Các sở, ban, ngành thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh do đơn vị tham mưu và nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị theo trình tự quy định và gửi kết quả về Sở Tư pháp chậm nhất là ngày 05/01/2022.

- Sở Tư pháp tổng hợp kết quả rà soát các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chậm nhất là ngày 30/01/2022.

b) Cấp huyện

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cùng cấp thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

- Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp kết quả rà soát các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố chậm nhất là ngày 30/01/2022; báo cáo kết quả rà soát về Sở Tư pháp chậm nhất là ngày 10/02/2022.

c) Cấp xã

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

- Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp chậm nhất là ngày 20/01/2022.

4.2. Đối với rà soát theo chuyên đề

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến các cơ chế, chính sách, hoàn thành việc rà soát và báo cáo Sở Tư pháp kết quả rà soát chậm nhất là ngày 30/9/2021; Sở Tư pháp tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh kết quả rà soát.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này; đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát của các sở, ban, ngành, tổng hợp kết quả rà soát chung báo cáo Bộ Tư pháp, UBND tỉnh theo quy định.

b) Có ý kiến trả lời về hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật của các sở, ban, ngành.

c) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Các sở, ban, ngành thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh do đơn vị mình tham mưu có nội dung liên quan đến các cơ chế, chính sách và nội dung điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì kịp thời kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành chủ động bố trí các điều kiện để thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch này.

c) Thực hiện trình tự, thủ tục rà soát và xử lý kết quả rà soát theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

d) Trình Hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát; gửi báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho cơ quan tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

đ) Lập dự toán kinh phí rà soát văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

b) Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát văn bản theo quy định tại Chương IX, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch này và các văn bản có liên quan.

c) Bố trí biên chế và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện tốt công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

d) Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu tại Kế hoạch này.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về công tác rà soát văn bản theo quy định tại Chương IX, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tổ chức triển khai thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; Kế hoạch này và các văn bản có liên quan.

b) Thực hiện chế độ báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có gì vướng mắc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời báo cáo về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC-NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi